TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 576/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Chủ tọa phiên tòa - Thẩm phán: Ông Tô Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Hợp.

Bà Lê Thị ThA Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 465/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2018 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Việt A, sinh năm 1987; Nơi cư trú cuối cùng: đường T, Phường MM, quậnG, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Việt A kết hôn vào năm 2015, tại Ủy ban nhân dân phường 11, quận Gò Vấp, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 020 Quyển số 01/2015 ngày 23/01/2015. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông A phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà N đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại tỉnh Ninh Thuận sống từ tháng 08/2015. Do tình cảm không còn nên bà N vào Sài Gòn tìm gặp ông A để làm thủ tục ly hôn, nhưng gia đình ông Việt A đã bán nhà đi đâu không rõ. Bà N đã liên hệ bạn bè tìm kiếm nhưng không biết tin tức gì về ông Việt A. Bà N đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Việt A và đã đăng trên báo, đài phát

thA để tìm kiếm ông A nhưng đã hơn 04 tháng vẫn không có tin tức gì của ông A.

Ngày 13/3/2018 Tòa án nhân dân quận Gò vấp đã ra quyết định số 81/2018/QĐDS-ST, tuyên bố ông Nguyễn Việt A, sinh năm 1987; Nơi cư trú cuối cùng: đường T, Phường MM, quậnG, Thành phố Hồ Chí Minh đã mất tích.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp giải quyết cho bà được ly hôn với ông A.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: bà N khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Việt A đã bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tuyên bố là mất tích, theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 81/2018/QĐDS-ST, ngày 13/3/2018. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái N được ly hôn với ông Nguyễn Việt A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật trA chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Ái N xin ly hôn với ông Nguyễn Việt A, đây là quan hệ trA chấp về ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông A có nơi cư trú cuối cùng là quận Gò Vấp, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo qui định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Việt A đã bị Tòa án tuyên bố là mất tích. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 020, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường MM, quận G, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Việt A và bà Nguyễn Thị Ái N ngày 23/01/2015, đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông A là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Quyết định giải quyết việc dân sự số 81/2018/QĐDS-ST, ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thì ông Nguyễn Việt A đã mất tích. Bà N yêu cầu ly hôn với ông A thuộc trường hợp xin ly hôn với người bị Tòa án tuyên bố mất tích.

Theo khoản 2 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*.

Như vậy, yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông A là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: bà N khai không có nên không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng bà N chịu.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ái N đối với ông Nguyễn Việt A.

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ái N được ly hôn với ông Nguyễn Việt A (Giấy chứng nhận kết hôn số 020, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân Phường MM, quận G, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông A, bà N ngày 23/01/2015 không còn giá trị).

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà N chịu, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà N

đã nộp theo biên lai số 0028960 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND Tp.HCM;
-VKSND q.Gò Vấp;
-CCTHADS q.Gò Vấp;
- UBND pMM, Q G,
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Văn Mạnh